

Số: 04
V/v đề nghị công bố giá
sản phẩm, hàng hóa ...
định kỳ tại Sở Xây dựng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2023

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số:
	Ngày: 14-03-2023
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố);

Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ngọc Nguyễn đề nghị công bố giá sản phẩm ống luôn dây điện và phụ kiện PVC thương hiệu HDV định kỳ tại Sở Xây dựng, kèm theo các tài liệu như sau:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo quy định tại Điều 6, Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13 (đính kèm).
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.
3. Tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng của đơn vị đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu đề nghị công bố theo quy định tại Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
4. Nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.
5. Tài liệu thể hiện việc duy trì kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định tại Điều 10, Điều 28, Điều 38 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Ví dụ: Phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc công nhận).
6. Đối với VLXD thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (VLXD nhóm 2), còn phải có các tài liệu sau theo quy định tại Điều 28, Điều 34, Điều 38 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (hiện nay là QCVN 16:2019/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng):
 - Chứng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.



- Bản công bố hợp quy của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu.
- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

7. Danh sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa có đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (nếu có).

8. Thông tin khác:

- Địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp đề nghị công bố giá: 158/56/11 Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Q.Gò Vấp, HCM.

- Địa điểm đặt nhà máy sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố: 359 Thống Nhất, Phường 11, Q.Gò Vấp, HCM.

- Thông tin liên lạc của lãnh đạo Công ty và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá (họ và tên, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, số fax): Ms. Đinh Thị Dung – 0978222296 – Mail: thuyhvn@gmail.com

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 10/03/2023 cho đến ngày 31/12/2023.

Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ngọc Nguyễn cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ngọc Nguyễn xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Thị Thu Thủy

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số 04 ngày 09 tháng 03 năm 2023 của CÔNG TY TNHH SX TM NGỌC NGUYỄN)

1. Mức giá niêm yết:

STT	Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá theo khu vực/ thành phố/ quận/ huyện (trước thuế VAT)			Số và ký hiệu HS	Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Khu vực Thành phố Hồ Chí Minh					
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ % tăng / giảm			
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[...]	[...]	
1	Ống Ø16 HDV 750N- 61386	Cây	BSEN61386 - 50Cây/Bó	21,000	31,500	50%	HDV/Việt Nam		
2	Ống Ø20 HDV 750N-61386	Cây	BSEN61386 - 50Cây/Bó	29,000	43,500	50%	HDV/Việt Nam		
3	Ống Ø25 HDV750N-61386	Cây	BSEN61386 - 25Cây/Bó	42,000	63,000	50%	HDV/Việt Nam		
4	Ống Ø32 HDV 750N-61386	Cây	BSEN61386 - 25Cây/Bó	84,000	126,000	50%	HDV/Việt Nam		
5	Ống Ø40 HDV 750N-61386	Cây	BSEN61386 - 10 Cây /bó	125,000	187,500	50%	HDV/Việt Nam		
6	Ống Ø50 HDV 750N-61386	Cây	BSEN61386 - 10 Cây /bó	152,000	228,000	50%	HDV/Việt Nam		
7	Ống Ø16 HDV 1250N- 61386	Cây	BSEN61386 - 50Cây/Bó	26,000	39,000	50%	HDV/Việt Nam		
8	Ống Ø20 HDV 1250N-61386	Cây	BSEN61386 - 50Cây/Bó	36,000	54,000	50%	HDV/Việt Nam		
9	Ống Ø25 HDV 1250N-61386	Cây	BSEN61386 - 25Cây/Bó	51,500	77,250	50%	HDV/Việt Nam		
10	Ống Ø32 HDV 1250N-61386	Cây	BSEN61386 - 25Cây/Bó	113,000	169,500	50%	HDV/Việt Nam		
11	Ruột gà D16 HDV-PVC	Cuộn	BSEN61386 - 50m/Cuộn	249,000	373,500	50%	HDV/Việt Nam		
12	Ruột gà D20 HDV-PVC	Cuộn	BSEN61386 - 50m/Cuộn	289,000	433,500	50%	HDV/Việt Nam		
13	Ruột gà D25 HDV-PVC	Cuộn	BSEN61386 - 40m/Cuộn	348,000	522,000	50%	HDV/Việt Nam		
14	Ruột gà D32 HDV-PVC	Cuộn	BSEN61386 - 25m/Cuộn	399,000	598,500	50%	HDV/Việt Nam		
15	Ruột gà D16 (Loại I) HDV-HD	Cuộn	BSEN61386 - 50m/Cuộn	127,000	190,500	50%	HDV/Việt Nam		
16	Ruột gà D20 (Loại I) HDV-HD	Cuộn	BSEN61386 - 50m/Cuộn	149,000	223,500	50%	HDV/Việt Nam		
17	Ruột gà D25 (Loại I) HDV-HD	Cuộn	BSEN61386 - 50m/Cuộn	215,000	322,500	50%	HDV/Việt Nam		
18	Ruột gà D32 (Loại I) HDV-HD	Cuộn	BSEN61386 - 50m/Cuộn	360,000	540,000	50%	HDV/Việt Nam		
19	Ruột gà D16 (Loại 2) HDV-HD	Cuộn	BSEN61386 - 50m/Cuộn	97,000	145,500	50%	HDV/Việt Nam		
20	Ruột gà D20 (Loại 2) HDV-HD	Cuộn	BSEN61386 - 50m/Cuộn	119,000	178,500	50%	HDV/Việt Nam		
21	Ruột gà D25 (Loại 2) HDV-HD	Cuộn	BSEN61386 - 50m/Cuộn	166,000	249,000	50%	HDV/Việt Nam		
22	Ruột gà D32 (Loại 2) HDV-HD	Cuộn	BSEN61386 - 50m/Cuộn	220,000	330,000	50%	HDV/Việt Nam		
23	Hộp nối (80×80×50) (Loại 2) HDV-CC	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/Bao	15,000	22,500	50%	HDV/Việt Nam		
24	Hộp nối (100×100×50) (Loại 1) HDV-CC	Cái	BSEN61386 - 110 Cái/thùng	21,000	31,500	50%	HDV/Việt Nam		
25	Hộp nối 442 (120×120×55) (Loại 1) HDV-CC	Cái	BSEN61386 - 111 Cái/thùng	29,000	43,500	50%	HDV/Việt Nam		
26	Hộp nối (150×150×55) (Loại 1) HDV-CC	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/thùng	39,000	58,500	50%	HDV/Việt Nam		
27	Hộp nối (200×200×65) (Loại 1) HDV-CC	Cái	BSEN61386 - 30 Cái/thùng	60,000	90,000	50%	HDV/Việt Nam		
28	Đế âm chống cháy chữ nhật HDV	Cái	BSEN61386 - 145 Cái/thùng	5,800	8,700	50%	HDV/Việt Nam		

Số:.....
 Ngày: 14/03/2023
 Chuyển:.....
 Số và ký hiệu HS:.....



29	Đế âm vuông chống cháy HDV	Cái	BSEN61386 - 144 cái/ thùng	6,000	9,000	50%	HDV/Việt Nam
30	Đế âm đôi chống cháy HDV	Cái	BSEN61386 - 100 cái/ thùng	14,000	21,000	50%	HDV/Việt Nam
31	Đế âm vuông sâu chống cháy HDV	Cái	BSEN61386 - 100 cái/ thùng	16,000	24,000	50%	HDV/Việt Nam
32	Đế nổi CK237 (100*60*40) chữ nhật HDV	Cái	BSEN61386 - 140 Cái/thùng	9,500	14,250	50%	HDV/Việt Nam
33	Nắp Đế Âm	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	5,000	7,500	50%	HDV/Việt Nam
34	Kẹp đỡ ống Ø16 HDV	Cái	BSEN61386 - 100Cái/ Bao	1,200	1,800	50%	HDV/Việt Nam
35	Kẹp đỡ ống Ø20 HDV	Cái	BSEN61386 - 100Cái/ Bao	1,400	2,100	50%	HDV/Việt Nam
36	Kẹp đỡ ống Ø25 HDV	Cái	BSEN61386 - 100Cái/ Bao	2,100	3,150	50%	HDV/Việt Nam
37	Kẹp đỡ ống Ø32 HDV	Cái	BSEN61386 - 100Cái/ Bao	3,100	4,650	50%	HDV/Việt Nam
38	Kẹp đỡ ống Ø40 HDV	Cái	BSEN61386 - 100Cái/ Bao	4,400	6,600	50%	HDV/Việt Nam
39	Nôi răng Ø16 HDV	Cái	BSEN61386 - 100Cái/ Bao	2,100	3,150	50%	HDV/Việt Nam
40	Nôi răng Ø20 HDV	Cái	BSEN61386 - 100Cái/ Bao	2,800	4,200	50%	HDV/Việt Nam
41	Nôi răng Ø25 HDV	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	3,200	4,800	50%	HDV/Việt Nam
42	Nôi răng Ø32 HDV	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	5,900	8,850	50%	HDV/Việt Nam
43	Co Ø20 có nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	5,700	8,550	50%	HDV/Việt Nam
44	Co Ø25 có nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 25 Cái/ Bao	8,900	13,350	50%	HDV/Việt Nam
45	Co Ø32 có nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 20 Cái/ Bao	11,900	17,850	50%	HDV/Việt Nam
46	Co Ø16 không nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 100 Cái/ Bao	2,100	3,150	50%	HDV/Việt Nam
47	Co Ø20 không nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	3,500	5,250	50%	HDV/Việt Nam
48	Co Ø25 không nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	4,900	7,350	50%	HDV/Việt Nam
49	Co Ø32 không nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 30 Cái/ Bao	8,400	12,600	50%	HDV/Việt Nam
50	T Ø20 có nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 25 Cái/ Bao	8,400	12,600	50%	HDV/Việt Nam
51	T Ø25 có nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	11,400	17,100	50%	HDV/Việt Nam
52	T Ø32 có nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	14,400	21,600	50%	HDV/Việt Nam
53	T Ø16 không nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	2,700	4,050	50%	HDV/Việt Nam
54	T Ø20 không nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	4,900	7,350	50%	HDV/Việt Nam
55	T Ø25 không nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 30 Cái/ Bao	8,400	12,600	50%	HDV/Việt Nam
56	T Ø32 không nắp HDV	Cái	BSEN61386 - 20 Cái/ Bao	11,900	17,850	50%	HDV/Việt Nam
57	Ố chờ 1 đường Ø16 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	7,600	11,400	50%	HDV/Việt Nam
58	Ố chờ 2 đường thẳng Ø16 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	7,600	11,400	50%	HDV/Việt Nam
59	Ố chờ 2 đường vuông Ø16 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	7,600	11,400	50%	HDV/Việt Nam
60	Ố chờ 3 đường Ø16 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	7,600	11,400	50%	HDV/Việt Nam
61	Ố chờ 4 đường Ø16 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	8,400	12,600	50%	HDV/Việt Nam
62	Ố chờ 1 đường Ø20 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	7,900	11,850	50%	HDV/Việt Nam
63	Ố chờ 2 đường thẳng Ø20 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	7,900	11,850	50%	HDV/Việt Nam
64	Ố chờ 2 đường vuông Ø20 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	7,900	11,850	50%	HDV/Việt Nam
65	Ố chờ 3 đường Ø20 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	7,900	11,850	50%	HDV/Việt Nam
66	Ố chờ 4 đường Ø20 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	8,600	12,900	50%	HDV/Việt Nam
67	Ố chờ 1 đường Ø25 HDV (Ngã) + nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	8,400	12,600	50%	HDV/Việt Nam
68	Ố chờ 2 đường thẳng Ø25 HDV (Ngã) + nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	8,400	12,600	50%	HDV/Việt Nam
69	Ố chờ 2 đường vuông Ø25 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	8,400	12,600	50%	HDV/Việt Nam
70	Ố chờ 3 đường Ø25 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	8,400	12,600	50%	HDV/Việt Nam
71	Ố chờ 4 đường Ø25 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	8,900	13,350	50%	HDV/Việt Nam
72	Ố chờ 2 đường thẳng Ø32 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	11,900	17,850	50%	HDV/Việt Nam

73	Ổ chờ 2 đường vuông Ø32 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	11,900	17,850	50%	HDV/Việt Nam
74	Ổ chờ 3 đường Ø32 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	11,900	17,850	50%	HDV/Việt Nam
75	Ổ chờ 4 đường Ø32 HDV (Ngã) + Nắp	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	12,000	18,000	50%	HDV/Việt Nam
76	Nắp Ngã	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	1,800	2,700	50%	HDV/Việt Nam
77	Nắp Ngã có lỗ chờ Ø20	Cái	BSEN61386 - 10 Cái/ Bao	2,500	3,750	50%	HDV/Việt Nam
78	Nồi trơn Ø16 HDV	Cái	BSEN61386 - 100 Cái/ Bao	9,000	13,500	50%	HDV/Việt Nam
79	Nồi trơn Ø20 HDV	Cái	BSEN61386 - 100 Cái/ Bao	1,200	1,800	50%	HDV/Việt Nam
80	Nồi trơn Ø25 HDV	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	2,100	3,150	50%	HDV/Việt Nam
81	Nồi trơn Ø32 HDV	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	3,200	4,800	50%	HDV/Việt Nam
82	Nồi trơn Ø40 HDV	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	11,000	16,500	50%	HDV/Việt Nam
83	Nồi giảm Ø20-Ø16	Cái	BSEN61386 - 100 Cái/ Bao	3,100	4,650	50%	HDV/Việt Nam
84	Nồi giảm Ø25-Ø20	Cái	BSEN61386 - 100 Cái/ Bao	3,500	5,250	50%	HDV/Việt Nam
85	Nồi giảm Ø32-Ø20	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	4,900	7,350	50%	HDV/Việt Nam
86	Nồi giảm Ø32-Ø25	Cái	BSEN61386 - 50 Cái/ Bao	9,300	13,950	50%	HDV/Việt Nam
87	Dây môi 5M	Sợi	1 Sợi/ Bao	45,000	67,500	50%	HDV/Việt Nam
88	Dây môi 10M	Sợi	1 Sợi/ Bao	69,000	103,500	50%	HDV/Việt Nam
89	Dây môi 15M	Sợi	1 Sợi/ Bao	83,000	124,500	50%	HDV/Việt Nam
90	Dây môi 20M	Sợi	1 Sợi/ Bao	106,000	159,000	50%	HDV/Việt Nam
91	Dây môi 25M	Sợi	1 Sợi/ Bao	130,000	195,000	50%	HDV/Việt Nam
92	Lò xo Ø 16 VN	Cây	1 Cây/ Bao	60,000	90,000	50%	HDV/Việt Nam
93	Lò xo Ø 20 VN	Cây	1 Cây/ Bao	75,000	112,500	50%	HDV/Việt Nam
94	Lò xo Ø 25 VN	Cây	1 Cây/ Bao	107,000	160,500	50%	HDV/Việt Nam
95	Lò xo Ø 32 VN	Cây	1 Cây/ Bao	153,000	229,500	50%	HDV/Việt Nam

Ghi chú:

Giá trên chưa bao gồm 10% Thuế VAT

Thời giao hàng: Hàng được giao trong vòng 1-2 ngày (hàng có sẵn)

Phạm vi giao hàng : Hàng được giao miễn phí khu vực TP.HCM, khu vực tỉnh tính phí theo cự ly.

Chế độ bảo hành: Hàng được bảo hành 1 năm.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **10/03/2023** đến ngày **31/12/2023**

Lý do thay đổi giá: Do giá nguồn nguyên vật liệu, phụ gia biến động tăng

Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ngọc Nguyễn cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ngọc Nguyễn xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Lê Thị Thu Thủy